**TUẦN 12**

**TOÁN**

**Bài 37: LUYỆN TẬP – Trang 79**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách đặt tính và thực hiện chia số có hai hoặc ba chữ số cho số có một chữ

số trong phạm vi 1000 ( chia hết và chia có dư)

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK, bảng phụ, phiếu học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: ( 5 phút)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - Giáo viên tổ chức trò chơi: *“Hỏi nhanh đáp gọn”* cho học sinh để ôn lại các bảng chia, cách tìm thương và số dư trong phép chia có dư.  25: 5 = 24 : 2 = 17 : 5 =  13 : 4 = 49 : 7 = 54 : 6 =  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:* (25 phút)  **-** Mục tiêu:  + Học sinh biết cách đặt tính và thực hiện chia số có hai chữ số hoặc 3 chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 1000 ( chia hết và chia có dư)  + [Vận dụng các khái](https://blogtailieu.com/) niệm, phép tính đã học để giải q[uyết các bài toán thực tế](https://blogtailieu.com/) [liên quan.](https://blogtailieu.com/)  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân)**  - Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?  - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - GV yêu cầu hs làm bài vào vở    - Gọi HS nhận xét  KL: Cách đặt tính và thực hiện chia số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số ( chia hết)  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2. Tính (theo mẫu)**  **(Làm việc cá nhân)**  - Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?  a,   |  |  | | --- | --- | | 999 | 9 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 448 | 4 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 624 | 2 | |  |  |   - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có 3 chữ số cho số có một chữ số.  - GV nhận xét, làm mẫu phép tính:    - 2 chia 2 được 1, viết 1  1 nhân 2 bằng 2; 2 trừ 2 bằng 0  - Hạ 4, 4 chia 2 được 2, viết 2  2 nhân 2 bằng 4; 4 trừ 4 bằng 0.  - Hạ 6, 6 chia 2 được 3, viết 3  3 nhân 2 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0  Vậy 246 : 2 =123  - Gv yêu cầu hs làm bài vào vở, 3 HS lên bảng làm.  Gọi hs nhận xét  ? Các phép chia có đặc điểm gì?  - GV Nhận xét, tuyên dương  **Bài 3.Tính (theo mẫu) (Làm việc cá nhân)**  - Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?  a,   |  |  | | --- | --- | | 58 | 5 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 49 | 2 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 65 | 3 | |  |  |   - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - GV nhận xét, làm mẫu phép tính:  - 8 chia 4 được 2, viết 2  2 nhân 4 bằng 8; 8 trừ 8 bằng 0  - Hạ 7, 7 chia 4 được 1, viết 1  1 nhân 4 bằng 4; 7 trừ 4 bằng 3  viết 3    Vậy 87: 4=21 ( dư 3)  - Tương tự, GV chia lớp thành 3 tổ mỗi tổ thực hiện 1 phép tính vào bảng con, 3 HS lên bảng làm.  - Gọi HS nhận xét  ? Các phép chia ý a có đặc điểm gì?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  b,  - Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?   |  |  | | --- | --- | | 846 | 4 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 695 | 3 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | 463 | 2 | |  |  |   - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - GV nhận xét, làm mẫu phép tính:    - 9 chia 3 được 3, viết 3  3 nhân 3 bằng 9; 9 trừ 9 bằng 0,  viết 0  - Hạ 3, 3 chia 3 được 1, viết 1  1 nhân 3 bằng 3; 3 trừ 3 bằng 0  viết 0  -Hạ 8, 8 chia 3 được 2, viết 2  2 nhân 3 bằng 6; 8 trừ 6 bằng 2, viêt 2  Vậy 938 : 3 = 312 ( dư 2)  - Tương tự, GV chia lớp thành 3 tổ mỗi tổ thực hiện 1 phép tính vào bảng con, 3 HS lên bảng làm.  - Gọi HS nhận xét  ? Các phép chia ý b có đặc điểm gì?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc.  TL: Đặt tính rồi tính.  TL: Thực hiện phép tính chia từ trái sang phải bắt đầu từ hàng chục.  - HS thực hiện      -Hs đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe; nhấn mạnh quy trình chia, nhân, trừ ở mỗi lượt chia, hạ xuống và tiếp tục với lượt chia mới  -Nêu kết quả của phép chia sau khi thực hiện các thao tác chia viết.  - Lắng nghe.  ­­  - 1 HS đọc : Tính (theo mẫu)  TL: Thực hiện phép tính chia từ trái sang phải bắt đầu từ hàng trăm.  Hs theo dõi thực hiện  - HS thực hiện    -HS nhận xét  -Đây là phép chia ( chia hết) số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số  -Lắng nghe  - 1 HS đọc : Tính (theo mẫu)  TL: Thực hiện phép tính chia từ trái sang phải bắt đầu từ hàng chục.  Hs theo dõi thực hiện  - HS thực hiện      - Nhận xét.  - Đây là các phép chia ( có dư) số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số  - Lắng nghe.  -Hs đọc đề bài: Tính  TL: Thực hiện phép tính chia từ trái sang phải bắt đầu từ hàng trăm.  Hs theo dõi thực hiện  HS thực hiện    -HS nhận xét  - Đây là các phép chia ( có dư) số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số  - Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng. ( 5 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải toán  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4. Giải toán**  - Gọi HS đọc đề bài.  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  - 1 HS lên bảng tóm tắt bài toán.  H: Muốn biết Nguyên chọn quyển sưu tập ảnh có ít nhất bao nhiêu trang ta làm thế nào?  - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp làm vào vở.  - HS nhận xét bài trên bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - Nguyên xếp 44 bức ảnh gia đình vào quyển sưu tập ảnh.  Mỗi trang xếp được 4 bức ảnh  - Nguyên cần chọn quyển sưu tập ảnh có ít nhất bao nhiêu trang  - 1 HS lên tóm tắt  TL: Ta làm phép tính chia, lấy 44 : 4  - 1 HS lên làm bài giải.  **Bài giải**  Nguyên cần chọn quyển sưu tập ảnh có ít nhất số trang là:  44 : 4 = 11 ( trang)  Đáp số : 11 trang  - Hs nhận xét  - Lắng nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 38: LUYỆN TẬP CHUNG – Trang 80**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hành luyện tập kĩ năng chia sócó 2 hoặc 3 chữ số cho số có 1 chữ số trong phạm vi 1000 ( chia hết và chia có dư)

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK, bảng phụ, phiếu học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: ( 5 phút)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh, ai đúng”để khởi động bài học.  + Mỗi nhóm nhận được 1 bộ thẻ phép chia đã học  + HS thảo luận rồi viết kết quả, nhóm nào thực hiện nhanh và đúng thì thắng cuộc  + Tính    - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi    -HS báo cáo kết quả, nêu cách thực hiện từng dạng phép tính, những lưu ý khi thực hiện  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**:( 25 phút)  **-** Mục tiêu:  + Luyện tập thực hành các bài toán về chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư );  + Tính nhẩm trong trường hợp đơn giản  + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1**: **Tính** **( làm việc cá nhân)**  a, Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?    **-**Yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện các phép tính đã đặt tính sẵn  - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  b, Đặt tính rồi tính  - Gọi HS đọc đề.  H: BT yêu cầu gì?  - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số.  - GV yêu cầu hs làm bài vào vở    - Gọi HS nhận xét  KL: Cách đặt tính và thực hiện chia số có 2; 3 chữ số cho số có 1 chữ số  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2. Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính? (Làm việc cá nhân)**  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh thực hiện các phép nhân, chọn kết quả tương ứng và chỉ ra sự kết nối giữa phép tính với kết    **-** Chiếu vở của HS và mời lớp nhận xét  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Theo em bạn nào tính đúng (Làm việc cá nhân)**  GV mời 1 HS nêu YC của bài    - Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số.  - GV yêu cầu hs làm bài vào vở  **?** Vậy theo em bạn nào tính đúng?  Bạn nào tính sai?  Em hãy sửa lại bài của bạn Đức | - 1 HS đọc : Tính  - HS làm bài và trình bày kết quả      Lắng nghe    - 1 HS đọc.  TL: Đặt tính rồi tính.  TL  - HS thực hiện        -Hs đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe; nhấn mạnh quy trình chia, nhân, trừ ở mỗi lượt chia, hạ xuống và tiếp tục với lượt chia mới  -Nêu kết quả của phép chia sau khi thực hiện các thao tác chia viết.  - Lắng nghe.  - 1 HS nêu: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - HS làm vào vở. Hs nối phép tính với kết quả đúng của phép tính đó    -HS quan sát và nhận xét  -HS nghe  -Hs nêu: Theo em bạn nào tính đúng  TL: Thực hiện phép tính chia từ trái sang phải bắt đầu từ hàng trăm.  -Hs đặt tính rồi tính từng phép tính đã cho; đối chiếu lời giải của cá nhân với lời giải được nêu trong sách    TL: bạn Hoài tính đúng,bạn Đức tính sai |
| **3. Vận dụng. ( 5 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học để giải toán có lời văn  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4: Giải toán** **(Làm việc cá nhân)**  - Gọi HS đọc đề bài.  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  - 1 HS lên bảng tóm tắt bài toán.  H: Muốn biết mỗi phần có bao nhiêu gam cá cơm ta làm thế nào?  - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp làm vào vở.  - HS nhận xét bài trên bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương một số HS. | - HS đọc.  - Chú Lộc chia đều 800 gam cá cơm thành 2 phần bằng nhau  - Mỗi phần có bao nhiêu gam cá cơm  - 1 HS lên tóm tắt  TL: Ta làm phép tính chia,  lấy 800 : 2  - 1 HS lên làm bài giải.  **Bài giải**  Mỗi phần có số gam cá cơm là:  800 : 2 = 400 ( gam)  Đáp số : 400g  -Hs nhận xét  - Lắng nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 39: – Trang 80**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách so sánh số lớn gấp mấy lần số bé

- Vận dụng quy tắc so sánh số lớn gấp mấy lần số bé để giải quyết một số bài toán và tình huống gắn với thực tế

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Hai đoạn băng giấy, trong đó băng giấy đỏ dài gấp 4 lần băng giấy xanh

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK, bảng phụ, phiếu học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - Gv hướng dẫn hs thực hiện theo cặp:  So sánh độ dài 2 băng giấy và nêu nhận xét  -Gv đặt vấn đề: Nếu biết độ dài hai băng giấy, chẳng hạn băng giấy đỏ dài 8cm, băng giấy xanh dài 2 cm, ta cũng có nhận xét như sau:  + Băng giấy dài 8 cm gấp 4 lần băng giấy dài 2 cm  + Phép tính để tính số băng giấy dài 2 cm cắt được từ băng giấy dài 8 cm là:  8 : 2 = 4  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lấy 2 băng giấy đã chuẩn bị rồi thảo luận so sánh độ dài 2 băng giấy và nêu nhận xét:  +Cách 1: HS gập băng giấy đỏ thành 4 phần đều bằng nhau; so sánh độ dài mỗi phần với độ dài băng giấy xanh và biết được băng giấy đỏ dài gấp 4 lần băng giấy xanh  + Cách 2: Hs cắt băng giấy đỏ thành các đoạn có độ dài bằng băng giấy xanh ta được 4 phần bằng nhau có độ dài bằng độ dài băng giấy xanh  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức (15 phút)**  **-** Mục tiêu:  + [Nhận biết được bài to](https://blogtailieu.com/)án so sánh số lớn gấp mấy lần số bé.  + [Biết được cách tìm số](https://blogtailieu.com/) lớn gấp mấy lần số bé.  + [Vận dụng vào giải các](https://blogtailieu.com/) bài tập và giải bài toán có lời văn liên [quan đến số lớn gấp mấy](https://blogtailieu.com/) [lẩn số bé.](https://blogtailieu.com/)  **-** Cách tiến hành: | |
| **a)** [GV nêu bài toán: “ Đoạn thẳng AB dài 8 cm, đoạn thẳng CD dài 2 cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD](https://blogtailieu.com/)?”  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?   * [Nhận xét: Đây là bà](https://blogtailieu.com/)i toán có dạng: So sánh số lớn (8) gấ[p mấy lần số bé (2). Cách](https://blogtailieu.com/) [tìm số lớn gấp mấy l](https://blogtailieu.com/)ẩn số bé như thế nào? * [HS được quan sát hì](https://blogtailieu.com/)nh vẽ (qua sơ đổ đoạn thẳng) để biết [được:](https://blogtailieu.com/)   [+ Độ dài đoạn thẳng CD](https://blogtailieu.com/) gấp lên 4 lần thì được độ dài đoạn thẳng AB  [2 x 4 = 8 (cm) (kiến](https://blogtailieu.com/) thức đã học).  [+ Từ đó suy ra độ dài đoạn thẳng AB dài gấp độ dài đoạn thẳng CD](https://blogtailieu.com/) s[ố lần là:](https://blogtailieu.com/)  [8 : 2 = 4 (lần) (kiến t](https://blogtailieu.com/)hức mới).  - C[ho HS trình bày bài giải](https://blogtailieu.com/)  Gv chốt quy tắc: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé  **3. Hoạt động luyện tập ( 10 phút)**  **Bài 1: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán**  - GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề toán, suy nghĩ cách làm  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Nhắc lại quy tắc “ so sánh số lớn gấp mấy lần số bé” và suy nghĩ tìm câu trả lời cho câu hỏi: “ Muốn biết số sách ngăn dưới gấp số sách ngăn trên mấy lần, ta làm thế nào?”  - HS làm vào vở sau đó nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán**  - GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề toán, suy nghĩ cách làm  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Nhắc lại quy tắc “ so sánh số lớn gấp mấy lần số bé” và suy nghĩ tìm câu trả lời cho câu hỏi: “ Muốn biết con lợn cân nặng gấp mấy lần con gà, ta làm thế nào?”  - HS làm vào vở sau đó nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương. | -Nghe Gv đọc đề toán  -HSTL: Đoạn thẳng AB dài 8 cm, đoạn thẳng CD dài 2 cm  [HSTL: Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD](https://blogtailieu.com/)?”  - HS nhận dạng bài toán  - HS quan sát sơ đồ đoạn thẳng  - HS nêu các bước tính  -HS quan sát từng bước và nhắc lại  -HS quan sát sơ đồ và nêu bài giải  [Đoạn t](https://blogtailieu.com/)hẳng AB dài gấp đoạn thẳng CD sổ l[ần là:](https://blogtailieu.com/)  8 : 2 = 4 (lần)  Đáp số: 4 lần.  -Hs đọc quy tắc  ­­  - HS đọc bài toán  -HSTL:  + Ngăn trên có 6 quyển sách  Ngăn dưới có 24 quyển sách  + Số quyển sách ở ngăn dưới gấp mấy lần số quyển sách ở ngăn trên  -HS thực hiện  -HS làm vào vở  Bài giải:  Số quyển sách ở ngăn dưới gấp số quyển sách ở ngăn trên số lần là:  24 : 6 = 4 ( lần)  Đáp số: 4 lần  - HS nhận xét lẫn nhau.  - Lắng nghe  - HS đọc bài toán  -HSTL:  + Con lợn cân nặng 40kg  Con gà cân nặng 4 kg  + Con lợn cân nặng gấp mấy lần con gà  -HS thực hiện  -HS làm vào vở  Bài giải:  Con lợn cân nặng gấp con gà số lần là:  40 : 4 = 10 ( lần)  Đáp số: 10 lần  - HS nhận xét lẫn nhau.  - Lắng nghe |
| **4. Vận dụng. ( 5 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi “ Trả lời nhanh”   * + Số lớn là 8, số bé là 2. Hỏi s[ố lớn gấp mấy lần sổ bé?](https://blogtailieu.com/)   [+ Bút chì dài](https://blogtailieu.com/) 12 cm, bút sáp dài 6 cm, cái ghim d[ài 2 cm. Từ đó có thế so](https://blogtailieu.com/) sánh bút chì dài gấp mấy lần bút sáp, bút sáp dài gấp mấy lần [cái ghim,...](https://blogtailieu.com/)  - Nhận xét, tuyên dương | HS đó đọc kết quả.  [8 : 2 = 4 (lẩn).](https://blogtailieu.com/)  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN:**

**Bài 39: SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ**

**(T2) – Trang 83**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- [Luyện kĩ năng tìm số](https://blogtailieu.com/) lớn gấp mấy lần số bé.

- Vận dụng so sánh số lớn gấp [mấy lần số bé vào các bài](https://blogtailieu.com/) [luyện tập vào giải toán](https://blogtailieu.com/) có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: ( 5 phút)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm thế nào?.  + Câu 2: Nêu 1 ví dụ cụ thể  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  + Nêu và thực hiện ví dụ  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:* ( 25 phút)  **-** Mục tiêu:  + [Luyện kĩ năng tìm số](https://blogtailieu.com/) lớn gấp mấy lần số bé.  + Vận dụng so sánh số lớn gấp [mấy lần số bé vào các bài](https://blogtailieu.com/) [luyện tập vào giải toán](https://blogtailieu.com/) có lời văn.  **+** Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 3:Giải bài toán (Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề toán, suy nghĩ cách làm  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Nhắc lại quy tắc “ so sánh số lớn gấp mấy lần số bé” và suy nghĩ tìm câu trả lời cho câu hỏi: “ Muốn biết số bánh mẹ làm được buổi sáng gấp mấy lần số bánh mẹ làm được buổi chiều, ta làm thế nào?”  - HS làm vào vở sau đó nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. Số? (Làm việc cả lớp)**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết ý 1 theo mẫu.  [Yêu cẩu HS biết c](https://blogtailieu.com/)ách tìm số lớn gấp mấy lần số bé, biế[t cách tìm số lớn hơn số bé](https://blogtailieu.com/) [bao nhiêu đơn vị; từ đ](https://blogtailieu.com/)ó nêu (viết) được số thích hợp ở ô có dấu “?” (theo mẫu).  - ý 2, 3, 4, 5 học sinh trả lời miệng    **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc bài toán  -HSTL:  + Buổi sáng mẹ làm được 21chiếc bánh; buổi chiều mẹ làm được 7 chiếc bánh  + Số bánh mẹ làm được buổi sáng gấp mấy lần số bánh mẹ làm được buổi chiều  -HS thực hiện  -HS làm vào vở  Bài giải:  Số bánh mẹ làm buổi sáng gấp số bánh mẹ làm buổi chiều số lần là:  21 : 7 = 3 ( lần)  Đáp số: 3 lần  - HS nhận xét lẫn nhau.  - Lắng nghe  - 1 HS nêu cách tìm  - HS lần lượt trả lời kết quả  - HS khắc sâu kiến thức tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị và số lớn gấp số bé bao nhiêu lần. |
| **3. Vận dụng ( 5 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 5. Quan sát sơ đồ sau và trả lời các câu hỏi**  **(Thảo luận nhóm đôi)**  - Gọi HS đọc đề bài.    H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp làm vào vở.  - HS nhận xét bài trên bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương một số HS. | 1 hs đọc đề bài, nóicho nhau nghe về nội dung bài toán,suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán  HSTL:  + Quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà ngoại:27 km  + Quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà nội: 9 km  + Quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà ngoại dài gấp mấy lần quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà nội ?  + Quãng đường từ nhà ông bà ngoại đến nhà ông bà nội dài bao nhiêu ki-lô-mét?  -Hs làm bài  Bài giải  a, Quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà ngoại dài gấp quãng đường từ nhà Dung đến nhà ông bà nội số lần là:  27 : 9 = 3 ( lần)  Đáp số: 3 lần  b, Quãng đường từ nhà ông bà ngoại đến nhà ông bà nội dài số ki-lô-mét là:  27 + 9 = 36 ( km)  Đáp số: 36 km |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 40: GIẢI BÀI TOÁN CÓ ĐẾN HAI BƯỚC TÍNH (Tiết 1) trang 84**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được bài toán giải bằng hai bước tính

- Nắm được các bước giải bài toán:

+ Tìm hiểu, phân tích, tóm tắt đề bài.

+ Tìm cách giải (lựa chọn phép tính giải phù hợp)

+ Trình bày bài giải (kiểm tra kết quả bài giải)

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: ( 5 phút)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV chiếu tranh lên máy chiếu    + Hàng trước có mấy bạn?  + Hàng sau có mấy bạn ?  + Để biết cả 2 hàng có bao nhiêu bạn ta làm thế nào ?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS quan sát tranh  -TL: Hàng trước có 7 bạn  Hàng sau có 5 bạn  Để biết cả 2 hàng có bao nhiêu bạn ta lấy 7 + 5 = 12 ( bạn)  - HS nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá: ( 10 phút)**  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết được bài toán giải bằng hai bước tính  + Nắm được các bước giải bài toán.  **-** Cách tiến hành: | |
| Giới thiệu bài toán giải bằng hai phép tính  **Bài toán :** (SGK Toán/84)  **-** Gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV hướng dẫn phân tích đề toán:  H: Hàng sau có bao nhiêu bạn?  H: Hàng trước nhiều hơn hàng sau mấy bạn?  - GV tóm tắt bài toán lên bảng lớp.  H: Hàng trước có bao nhiêu bạn? Vì sao?  H: Vậy có tất cả bao nhiêu bạn ở cả 2 hàng?  - Gọi HS nhận xét.  - GV kết luận: Đây là bài toán giải bằng 2 bước tính.  Bước 1: Tính số bạn đứng hàng trước  Bước 2: Tính tổng số bạn của cả 2 hàng | - 1 HS đọc.  - HS lắng nghe.  TL: Có 5 bạn.  TL: Hàng trước nhiều hơn hàng sau 2 bạn  - HS quan sát  TL: Số bạn đứng ở hàng trước : 5 + 2 = 7 (bạn). Vì có 5 bạn ở hàng sau, số bạn ở hàng trước nhiều hơn số bạn ở hàng sau là 2 bạn, số bạn ở hàng trước nhiều hơn, muốn tính số lớn ta lấy số nhỏ cộng với phần hơn.  TL: Số bạn ở cả hai hàng là:  5 + 7 = 12 (bạn)  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| 1. **Luyện tập ( 15 phút)**   **-** Mục tiêu:  - Vận dụng, thực hành giải bài t[oán có hai bước tính.](https://blogtailieu.com/)  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Giải toán (Làm việc cá nhân)**  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  - GV tóm tắt nội dung bài:  H: Bể thứ nhất có mấy con cá ngựa?  H: Số con cá ngựa ở bể thứ hai như thế nào so với bể thứ nhất?  H: Muốn biết cả hai bể có bao nhiêu con cá ngựa, ta phải biết được điều gì?  - Gọi 1 HS lên bảng giải, dưới lớp làm vào vở.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận.  Đây là bài toán liên quan đến hai phép tính cộng  **Bài 2. Giải toán (Làm việc nhóm đôi)**  **-** Gọi 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS phân tích đề bài :  H: Anh sưu tập được bao nhiêu vỏ ốc?  H: Số vỏ ốc em sưu tập được như thế nào so với anh?  H: Bài toán yêu cầu ta tìm gì?  H: Muốn biết cả hai anh em sưu tập được bao nhiêu vỏ ốc ta phải biết những gì?  H: Đã biết số vỏ ốc của ai? Số vỏ ốc của ai chưa biết?  H: Muốn tìm số vỏ ốc của em sưu tập được ta làm thế nào?  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  **-**Gv KL: Đây là bài toán liên quan đến 2 phép tính: trừ và cộng  GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Giải toán (Làm việc cá nhân)**  - Gọi HS đọc đề bài.  \* Hướng dẫn HS phân tích đề và tìm cách giải.  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS tự giải vào vở, 1 HS làm bài trên bảng nhóm.  - Gọi HS nhận xét.  - GV kiểm tra bài làm, nhận xét, chữa bài trên bảng. | - 1 HS đọc.  TL: Bể thứ nhất có 5 con cá ngựa. Bể thứ hai có nhiều hơn bể thứ nhất 3 con  TL: Bài toán hỏi cả hai bể có bao nhiêu con cá ngựa  TL: Bể thứ nhất có 5 con cá ngựa.  TL: Số con cá ngựa ở bể thứ hai nhiều hơn so với bể thứ nhất.  TL: Ta biết được số con cá ngựa ở bể 1 và bể 2  - HS lên bảng làm bài  **Bài giải**  Số con cá ngựa ở bể thứ nhất là:  5 + 3 = 8 (con)  Cả haibể có số con cá ngựa là:  5 + 8 = 13 ( con)  Đáp số: 13 con cá ngựa  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc.  - Hs chia sẻ với bạn bên cạnh:  TL: Anh sưu tập được 35 vỏ ốc  TL: Số vỏ ốc em sưu tập được ít hơn so với anh  TL: Tìm số vỏ ốc cả hai anh em sưu tập được  TL: Phải biết số vỏ ốc sưu tập được của anh và của em  TL: Đã biết số vỏ ốc của anh. Số vỏ ốc của em chưa biết.  TL: Lấy số vỏ ốc của anh sưu tập được trừ đi 16      **Bài giải**  Số thuyền Nam gấp được là:  Bài giải:  Số vỏ ốc em sưu tập được là  35 - 16 = 19 (vỏ ốc)  Số vỏ ốc hai anh em sưu tập được là:  35 + 19 = 54 (vỏ ốc)  Đáp số:54 vỏ ốc  Lắng nghe  - 1 HS đọc.  TL: Chum thứ nhất đựng 100 *l* tương, chum thứ hai đựng ít hơn chum thứ nhất 18 *l* tương  TL: Bài toán hỏi cả hai chum đựng bao nhiêu lít tương?  - 1 HS làm bảng lớp, dưới lớp làm vào vở.  Bài giải:  Chum thứ hai đựng số lít tương là:  100 – 18 = 82 ( *l*)  Cả hai chum đựng số lít tương là:  100 + 82 = 182 ( *l*)  Đáp số: 182 *l*  - 1, 2 HS nhận xét.  - HS theo dõi. |
| **4. Vận dụng ( 5 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS nhắc lại tên bài học.  *+ Em hãy cho biết các bài toán hôm nay có gì khác với các bài toán chúng ta đã học?*  *+ Bài toán giản bằng 2 phép tình thường có mấy câu trả lời và mấy phép tính?*  ***=> GV lưu ý:*** *Trong bài toán giải bằng 2 phép tính, kết quả của phép tính thứ nhất sẽ là 1 thành phần của phép tính thứ 2. Phần đáp số chỉ ghi kết quả của phép tính thứ 2.*  - Nhận xét, tuyên dương | TL:Giải bài toán có đến hai bước tính  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |